

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2021/HSST

Ngày 14 /6/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Mai Lương Anh

+ Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Bùi Trần Trung H.** Tên gọi khác: không - sinh năm 1999. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Phật giáo. HKTT: Đường N, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 06/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Bùi Văn T, sinh năm: 1962. Trú tại: Đường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Con bà: Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1977. Trú tại: Đường N, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Gia đình có 02 anh em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/8/2012, Bùi Trần Trung H bị Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 19/9/2012 Bùi Trần Trung H bị Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, theo Quyết định số 2840/QĐ ngày 19/9/2012 đến ngày 28/01/2014 H ra trường. Ngày 24/11/2014, Bùi Trần Trung

H bị Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, theo Quyết định số 01/QĐ ngày 24/11/2014. đến ngày 30/11/2016 H ra trường. Bị cáo bị bắt ngày 08/3/2021 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Đào Thị Lệ G.** Tên gọi khác: không. Sinh năm 1996. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. HKTT: Thôn H, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Phục vụ. Con ông: Đào Duy M, sinh năm: 1958. Trú tại: Thôn C, xã R, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Con bà: Đỗ Thị Minh S, sinh năm: 1967. Trú tại: Thôn H, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Gia đình có 04 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2002, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Chồng: Cao Thanh D, sinh năm: 1990 (đã ly hôn). Con: Cao Hoài Bảo T, sinh năm: 2016. Cùng trú tại: thôn N, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 08/3/2021 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Phan Thị Kiều D, sinh năm 1995.

Trú tại: Đường A, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1935. Trú tại: Đường N, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Trần Trung H và Đào Thị Lệ G có quan hệ tình cảm với nhau, vào khoảng 01 giờ ngày 25/6/2020, sau khi đi chơi cùng bạn bè, H và G đến nhà nghỉ S, địa chỉ: đường B, Phường C, thành phố Đ do chị Phan Thị Kiều D làm chủ để thuê một phòng nghỉ thì được dẫn lên Phòng 1 của nhà nghỉ, đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì thức dậy. Lúc này, do không còn tiền tiêu xài, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của nhà nghỉ để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, H bàn với G thì G đồng ý. Sau đó, H và G xuống quầy tiếp tân hỏi thuê xe mô tô của chị D, do khi cho thuê phòng, chị D có giữ giấy chứng minh nhân dân của G nên chị D không nghi ngờ gì và đồng ý đưa xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen – bạc, biển số: 79N1-578.00 cho G và H thuê. Sau khi nhận được xe mô tô của chị D, H điều khiển xe mô tô chở G đi lòng vòng thành phố Đ rồi chở G xuống địa bàn huyện Đức Trọng – Lâm Đồng để cầm cố cho một người quen của H (H không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể) với giá 2.000.000 đồng. Sau khi cầm xe, H và G đi lang thang ở nhiều địa phương và đã tiêu xài hết số tiền trên, đến ngày 08/3/2021 thì bị

Công an huyện Đ, Lâm Đồng bắt giữ theo quyết định truy nã. Tại cơ quan Công an, Bùi Trần Trung H và Đào Thị Lệ G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị hại: Chị Phan Thị Kiều D, sinh năm: 1995, ĐKHKT: Đường A, phường C, thành phố Đ, Lâm Đồng bị chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen – bạc, biển số: 79N1-578.00. Ngày 24/9/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận xe mô tô trên có giá trị là 7.000.000 đồng. Hiện chị D yêu cầu Bùi Trần Trung H và Đào Thị Lệ G bồi thường cho chị số tiền 7.000.000 đồng do không thu hồi được xe

Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 126/CT-VKSĐL ngày 13/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Bùi Trần Trung H và Đào Thị Lệ G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Bùi Trần Trung H và bị cáo Đào Thị Lệ G không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị về hình phạt: Đề nghị tuyên bố bị cáo Bùi Trần Trung H và bị cáo Đào Thị Lệ G phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” Áp dụng Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự các điểm s, i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Trần Trung H mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và Đào Thị Lệ G từ 12 tháng đến 15 tháng tù và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen – bạc, biển số: 79N1-578.00 nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo H và bị cáo G là người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, các bị cáo biết rất rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để lừa người khác để chiếm đoạt tài sản là 1 xe mô tô của chị Phan Thị Kiều D là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Bùi Trần Trung H và bị cáo Đào Thị Lệ G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điều 174 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của hành vi phạm tội mà các bị cáo là liều lĩnh xem thường pháp luật. Cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Việc các bị cáo bị phát hiện và bị bắt giữ là ngoài ý muốn của các bị cáo, vì vậy tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện rèn luyện, tu dưỡng nhằm trở thành con người có ích cho bản thân và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội là cùng lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của chị D, tuy nhiên đây chỉ là đồng phạm giản đơn.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị D là 01 xe mô tô hiệu Wave màu đen – bạc, biển số: 79N1-578.00. Ngày 24/9/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận xe mô tô trên có giá trị là 7.000.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với khung hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về hình phạt thì bị cáo H có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt hành chính, đã từng bị đưa vào

trường giáo dưỡng nên hình phạt phải cao hơn bị cáo G mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Phan Thị Kiều D chưa nhận lại tài sản, có yêu cầu hai bị cáo liên đới bồi thường số tiền 7.000.000đ. Xét chiếc xe mô tô bị mất không thu hồi được nên yêu cầu bồi thường của chị D là có cơ sở nên buộc hai bị cáo liên đới bồi thường cho chị D 7.000.000đ là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Không thu giữ bất cứ vật chứng nào nên không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Trong vụ án còn có đối tượng đã cầm cố tài sản do bị can H và G phạm tội mà có, quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác định được, Cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Bùi Trần Trung H và bị cáo Đào Thị Lệ G phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Trần Trung H 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 8/3/2021. Tiếp tục tạm giam để đảm bảo thi hành án.

[3]] Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Lệ G 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 8/3/2021. Tiếp tục tạm giam để đảm bảo thi hành án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, điều 587 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Trần Trung H và bị cáo Đào Thị Lệ G liên đới bồi thường cho chị Phan Thị Kiều D 7.000.000đ (phần của mỗi bị cáo bồi thường là 3.500.000đ)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị

cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Diệu Nga

